TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 21-6-2018
V/v "Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Đoàn Ngọc Thiện.

Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Trí Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2018/TLPT- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc "*Tranh chấp ly hôn*".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2018/ HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị bà Trần Thị N kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2018/QĐXXPT-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1953; địa chỉ: 60 đường T, phường A, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu "có mặt".

2. Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1957; Địa chỉ: 60 đường T, phường A, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm thì nguyên đơn ông Nguyễn Công Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Công Đ và bà Trần Thị N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố T vào ngày 14 tháng 4 năm 1992. Thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng rất hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thiếu tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột và không còn tiếng nói chung. Ông Đ có nhắn tin với bạn bè thì bà N dùng những lời lẽ xúc phạm ông Đ. Ông Đ và bà N đã ly thân nhau nhiều năm nay. Tuy ông Đ, bà N sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Năm 2005, ông Đ gửi đơn đến UBND phường 8 để hòa giải và sau khi hòa giải thì ông Đ, bà N trở về chung sống với nhau. Năm 2016, ông Đ nộp đơn yêu cầu ly hôn

với bà N tại Tòa án nhân dân thành phố T nhưng sau khi hòa giải thì ông Đ rút đơn để về chung sống nhưng cuộc sống vợ chồng không có gì cải thiện. Nay ông Đ xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Đ và bà N không còn, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nữa nên ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Đ và bà N có với nhau một đứa con chung là chị Nguyễn Thảo V, sinh năm 1993 đã trưởng thành và lập gia đình ở riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm thì bị đơn bà Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N đồng ý như lời trình bày của ông Đ về thời gian và hoàn cảnh kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng thời gian gần đây, ông Đ thường nhắn tin hẹn hò với nhiều người phụ nữ và dùng những lời lẽ tình tứ với những người phụ nữ khác nên bà N ghen và có lời lẽ xúc phạm ông Đ. Bà N vẫn còn tình cảm với ông Đ nên bà N đã xin lỗi ông Đ trước mặt các con. Nay bà N và ông Đ tuổi đã già, bà N thường hay đau ốm nên cần có người bên cạnh. Hơn nữa, bà N sợ việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến con nên bà N muốn vợ chồng đoàn tụ và bà N sẽ để cho ông Đ muốn đi đâu thì đi.

Về con chung: Ông Đ và bà N có với nhau một người con chung là chị Nguyễn Thảo V, sinh năm 1993 đã trưởng thành và lập gia đình ở riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N muốn vợ chồng đoàn tụ; còn nếu Tòa án giải quyết xử cho ly hôn thì bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công Đ. Ông Nguyễn Công Đ được ly hôn với bà Trần Thị N.

Về con chung: Ông Đ và bà N có với nhau một người con chung là chị Nguyễn Thảo V, sinh năm 1993 đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông Đ, bà N đều không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, bà Trần Thị N kháng cáo Bản án sơ thẩm với những lý do sau: Bản án chưa xem xét thấu đáo các quy định của pháp luật, xác minh chưa đầy đủ, xét xử vắng mặt bà N làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Ông Đ và bà N đang sống hòa thuận, gia đình bà N là gia đình văn hóa được UBND phường xác nhận nên bản án buộc bà N phải ly hôn với ông Đ là không thuyết phục.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về vấn đề tranh chấp và không nộp thêm chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà N; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ và kết quả tranh tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị N nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Công Đ và bà Trần Thị N tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố T vào ngày 14 tháng 4 năm 1992 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng rất hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thiếu tin tưởng nhau về kinh tế, tình cảm nên xảy ra xung đột. Ông Đ hay nhắn tin với bạn bè và dùng những lời lẽ tình tứ làm cho bà N ghen tức không kiềm chế được nên có dùng những lời lẽ xúc phạm ông Đ. Bà N biết lỗi nên đã xin lỗi ông Đ trước mặt các con. Ông Đ và bà N sống chung một nhà nhưng ông Đ ít quan tâm đến bà N. Năm 2005, ông Đ gửi đơn đến UBND Phường 8 để hòa giải và sau khi hòa giải thì ông Đ, bà N trở về chung sống với nhau. Năm 2016, ông Đ nộp đơn yêu cầu ly hôn với bà N tại Tòa án nhân dân thành phố T nhưng sau khi hòa giải thì ông Đ rút đơn để về chung sống với nhau nhưng tính tình của bà N vẫn không thay đổi. Xác minh ở địa phương nơi bà N và ông Đ cư trú thì ông Đ, bà N sống khép kín, ít tham gia sinh hoạt khu phố nên địa phương cũng không hiểu rõ mâu thuẫn của ông Đ, bà N đến mức nào.

Hiện nay, ông Đ đã 66 tuổi và bà N đã 62 tuổi là ở tuổi mà sức khỏe bắt đầu giảm sút, tâm sinh lý có nhiều thay đổi nên dẫn đến có nhiều thay đổi trong xử sự với nhau. Ông Đ và bà N có một người con gái thì đã lấy chồng ra ở riêng nên chỉ còn ông Đ, bà N sống chung một nhà với nhau. Bà N không tham gia các hoạt động xã hội nên chỉ biết ông Đ và gia đình nhưng ông Đ ít quan tâm đến bà N nên bà N cảm giác cô đơn, bực bội. Việc ông Đ nhắn tin cho bạn bè là điều bình thường nhưng vì ông Đ không thèm để ý đến bà N nên bà N ghen tuông không kiềm chế được và dùng những lời lẽ xúc phạm ông Đ là điều có thể tha thứ được. Hơn nữa bà N đã biết lỗi và xin lỗi ông Đ trước mặt các con là thể hiện còn tôn trọng ông Đ và còn rất yêu thương ông Đ. Người phụ nữ khi tuổi đã cao, sức yếu, nhiều bệnh tật là lúc họ rất cần có người chồng bên cạnh hiểu để chăm sóc chia sẽ. Ở lứa tuổi như ông Đ, bà N hiện nay thì nhu cầu về đời sống tinh thần là nhu cầu lớn nhất. Nếu ông Đ, bà N biết vì nhau, hiểu được tâm lý, tình cảm của nhau và biết tôn trọng nhau để khắc phục những nhược điểm không lớn của mỗi bên, vượt qua giai đoạn chuyển biến tâm lý này thì sẽ sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc.

Tình cảm có được phải do cả vợ chồng cùng tạo dựng, giữ gìn. Vì vậy, ông Đ, bà N nên gạt bớt cái tôi của mình để vì nhau, vì con cháu và vì 26 năm đã chung sống bên nhau thì những mâu thuẫn đã xảy ra không có là gì để không bỏ qua cho nhau được. Vì vậy, việc bà N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu bác đơn ly hôn của ông Đ để ông Đ và bà N trở về chung sống đoàn tụ là một nguyện vọng chính đáng, phù hợp cần được chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung thì ông Đ và bà N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N về việc sửa bản án sơ thẩm; bác yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Công Đ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị N không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Trần Thị N.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2018/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Bác đơn yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Công Đ đối với bà Trần Thị N.

2. Về án phí:

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp theo biên lai thu số 0005934 ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị N không phải nộp án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị N 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0001203 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố T;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND phường A, TP. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Châu